

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TT
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2024
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TT, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan Anh và ông Trần Giai Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TT: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1996; HKTT: Thôn V, xã Ng, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1989; HKTT: Thôn V, xã Ng, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* UBND xã Ng, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo pháp luật: bà Vương Thị H - Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Ngh - Phó chủ tịch UBND xã (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn Ch ngày 07/3/2012 tại UBND xã Ng, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND xã Ng, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn chị khai ngày tháng năm sinh là 11/02/1995 với UBND xã Việt Hưng, Văn Lâm, Hưng Yên nên UBND xã Việt Hưng có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị. Chị không xuất trình giấy tờ tùy thân khi đăng ký kết hôn mà chỉ có lời trình bày ngày tháng năm sinh, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để công

chức tư pháp hộ tịch ghi vào giấy chứng nhận kết hôn. Hiện tại căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của chị ghi ngày tháng năm sinh là 29/3/1996.

Sau khi kết hôn chị và anh Ch chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn V, xã Ng.

Theo chị, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2023 do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau nên không còn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh Ch.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 22/10/2012, Lê Thanh Tr, sinh ngày 09/5/2014 và Lê Thanh T1, sinh ngày 10/5/2016. Hiện các cháu khỏe mạnh. Ly hôn, anh Ch đề nghị được nuôi cháu cả 3 con Ch. Cấp dưỡng nuôi con, anh Ch không yêu cầu chị phải đóng góp. Chị nhất trí với đề nghị của anh Ch, chị có quyền đi lại thăm con.

Tài sản chung, nợ chung chị xác định không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn Ch trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Nh ngày 07/3/2012 tại UBND xã Ng, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND xã Ng, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian tìm hiểu anh không biết chị Nh sinh năm 1996 mà chị Nh nói sinh năm 1995 nên anh cũng chỉ biết chị Nh sinh năm 1995. Khi đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, chị Nh không xuất trình giấy tờ tùy thân mà chỉ có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã Việt Hưng, Văn Lâm, Hưng Yên xác nhận và lời trình bày ngày tháng năm sinh là ngày 11/02/1995. Nên trên giấy chứng nhận kết hôn của anh chị ghi chị Nh có ngày tháng năm sinh là 11/02/1995 mà không phải là 29/3/1996 Nh căn cước công dân hiện tại của chị Nh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại V, Ng.

Theo anh, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ năm 2023. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Hiện anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị Nh xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý.

Con chung: Anh xác định vợ chồng có 3 con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 22/10/2012, Lê Thanh Tr, sinh ngày 09/5/2014 và Lê Thanh T1, sinh ngày 10/5/2016. Hiện các cháu khỏe mạnh. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả 3 con chung, chị Nh đồng ý. Cấp dưỡng nuôi con, anh không đề nghị chị Nh phải đóng góp cho anh. Chị Nh có quyền đi lại thăm nom con chung.

Tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi Ngh vụ liên quan là UBND xã Ng trình bày: Ngày 06/3/2012, UBND xã Ng tiếp nhận giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Nh do UBND xã Việt Hưng, Văn Lâm, Hưng Yên xác nhận, ngày 07/3/2012, UBND xã Ng đăng ký kết hôn cho anh Lê Văn Ch, sinh ngày 08/8/1989 và chị Nguyễn Thị Nh sinh ngày 11/02/1995. Theo giấy xác nhận tình trạng hôn

nhân của UBND xã Việt Hưng, Văn Lâm, Hưng Yên và thông tin anh Ch chị Nh cung cấp thì anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến ngày 13/3/2012 cán bộ tư pháp hộ tịch mới vào sổ đăng ký kết hôn nên có sự nhầm lẫn ngày kết hôn. UBND xã Ng không xác minh năm sinh của chị Nh. Hiện tại chị Nh xuất trình căn cước công dân có ghi ngày tháng năm sinh là 29/3/1996. Đối chiếu ngày tháng năm sinh trên Giấy chứng nhận kết hôn và Căn cước công dân thì thấy chị Nh có ngày tháng năm sinh được công nhận là ngày 29/3/1996. Như vậy, thời điểm năm 2012, chị Nh chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Đề nghị tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nh và anh Ch.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án xác minh tại địa phương và kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại UBND xã Ng thể hiện chị Nh có ngày tháng năm sinh là 11/02/1995. Đối chiếu với ngày tháng năm sinh trên căn cước công dân là ngày 29/3/1996 thì thấy có sự chênh lệch về tuổi của chị Nh giữa 2 ngày tháng năm sinh nêu trên. Chị Nh xác định ngày tháng năm sinh chính xác của chị là ngày 29/3/1996 theo căn cước công dân và đề nghị Tòa án sử dụng ngày tháng năm sinh của chị là ngày 29/3/1996.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 8, 9, 11, 12, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/ TTLT-TANDTC - VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Lê Văn Ch.
- Con chung: Giao con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 22/10/2012, Lê Thanh Tr, sinh ngày 09/5/2014 và Lê Thanh T1, sinh ngày 10/5/2016 cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không đề nghị tòa án giải quyết.
- Án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn cùng có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xã Ng, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TT theo quy định khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thị xã TT thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi Ngh vụ liên quan là UBND xã Ng vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Lê Văn Ch kết hôn ngày 07/3/2012 được UBND xã Ng, huyện TT, nay là UBND xã Ng, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh cho đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. UBND xã Ng và chị Nh, anh Ch đều xác định, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Nh không cung cấp giấy tờ tùy thân để chứng minh ngày tháng năm sinh mà chị tự ý trình bày ngày tháng năm sinh để UBND xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên xác nhận tình trạng hôn nhân của chị là ngày 11/02/1995 nên trên giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày tháng năm sinh là 11/02/1995. Hiện chị Nh xác định ngày tháng năm sinh 29/3/1996 theo căn cước công dân được Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp là đúng ngày tháng năm sinh của chị.

Như vậy tính từ ngày 29/3/1996 đến ngày 07/3/2012 chị Nh được 15 tuổi, 11 tháng 22 ngày chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên. Ngoài vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi thì chị Nh anh Ch không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác. Tính đến ngày 29/3/2014, chị Nh đủ 18 tuổi, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chị Nh, anh Ch phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nh vậy mục đích hôn nhân giữa chị Nh và anh Ch không đạt được. Chị Nh, anh Ch cùng đề nghị toà án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/ TTLT- TANDTC- VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 quy định:

“2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn Nhng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

...

c) Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trường hợp này, quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con từ thời điểm kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định về quyền, Ngh vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn; quan hệ tài sản, Ngh vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến trước thời điểm đủ điều kiện kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn đến thời

điểm ly hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình”.

Chị Nh và anh Ch cùng đề nghị ly hôn. Vì vậy cần xử cho chị Nh được ly hôn anh Ch là phù hợp.

Con chung: Chị Nh, anh Ch có 3 con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 22/10/2012, Lê Thanh Tr, sinh ngày 09/5/2014 và Lê Thanh T1, sinh ngày 10/5/2016. Hiện các cháu khỏe mạnh. Ly hôn, anh Ch đề nghị được nuôi cả 3 con chung, chị Nh đồng ý. Do vậy cần giao 03 con chung là cháu T, cháu Tr, cháu T1 cho anh Ch nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không đề nghị toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, 9, 11, 12, 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Lê Văn Ch.

- Con chung: Giao con chung là Lê Thùy T, sinh ngày 22/10/2012, Lê Thanh Tr, sinh ngày 09/5/2014 và Lê Thanh T1, sinh ngày 10/5/2016 cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số BLTU/23/0003375 ngày 28/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TT. tỉnh Bắc Ninh

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS thị xã TT;
- UBND xã Ng, Tx TT
- (KH số 19 ngày 07/3/2012)
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Vũ Thị Minh Nguyệt**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA